**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÙ GIA MẬP**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày 20-12-2024
*V/V: TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Ly

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mùa, ông Phan Tấn Lãm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kim Đức – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập không tham gia phiên tòa*

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 71/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 50/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP N**

Địa chỉ trụ sở chính: số B C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N (Công ty A – N1).

Địa chỉ liên hệ: Lầu F, D L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Huỳnh Nhật M, sinh năm 2001 – nhân viên xử lý nợ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu F, D L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Bà **Dương Thị D**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày:*

Ngày 08/04/2019, Ngân hàng TMCP N chi nhánh B và bà Dương Thị D đã ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0834/2019/701-CV để ngân hàng cấp cho bà D 01 thẻ tín dụng trị giá 20.000.000 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn đề ngày 08/4/2019. Lãi suất vay thỏa thuận là 30%/năm, thời hạn thanh toán 04 tháng tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khi vay bà D không thế chấp tài sản cho ngân hàng.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Dương Thị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà D trả nợ, nhưng bà D vẫn không thực hiện, sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng TMCP N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền nợ gốc bà Dương Thị D còn nợ N1 là 16.186.885 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Dương Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc 16.186.885 và lãi là 34.427.234 đồng, tổng cộng là 50.614.119 đồng.

*Bị đơn bà Dương Thị D:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng TMCP N thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Dương Thị D có nơi cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Đối với người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với bị đơn bà Dương Thị D đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ngân hàng và bà D.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc:

Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0834/2019/701-CV ngày 08/04/2019 xác lập giữa Ngân hàng TMCP N chi nhánh B và bà Dương Thị D là văn bản được ký kết trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119, 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; có các điều khoản cụ thể, rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ hợp đồng tín dụng thể hiện ngân hàng TMCP N cho bà D vay 01 thẻ tín dụng trị giá 20.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, người vay bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng được phát sinh quyền khởi kiện.

Tính đến ngày xét xử vụ án, bà D đã trả cho ngân hàng được số tiền 3.813.115 đồng, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 24/7/2020, đến nay còn nợ ngân hàng số tiền vay gốc 16.186.885 đồng, nên bà D phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền này.

[3.2] Xét về yêu cầu tiền lãi:

Đối với số tiền nợ 16.186.885 đồng, tính đến ngày xét xử 20/12/2024 có số tiền lãi tổng cộng là 34.427.234 đồng.

Xét mức lãi suất ngân hàng khởi kiện lãi trong hạn là 30%/năm, lãi quá hạn là 45%/năm phù hợp với mức lãi đã thỏa thuận giữa ngân hàng và bà Dương Thị D tại hợp đồng tín dụng đã xác lập, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà D phải chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N

Buộc bà Dương Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 50.614.119 đồng (năm mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn một trăm mười chín đồng) (trong đó số tiền gốc vay còn nợ là 16.186.885 đồng và tiền lãi là 34.427.234 đồng).

Bà D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 21/12/2024 cho ngân hàng theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 2.530.705 đồng bị đơn bà D phải chịu.

Trả lại Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 1.145.941 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008272 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSDN tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hải Ly**